

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2024

V/v: “*Không công nhận quan
hệ vợ chồng*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Ph tòa: Ông Bùi Khoa Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Văn Hữu

2. Bà Triệu Thị Hai

Thư ký Ph tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia Ph tòa: Ông Đinh Trọng Nho – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị O, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm S T, xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Đức Dũng – Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm S T, xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt)

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/6/2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Bàn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003 chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay chị O xác nhận tình cảm vợ

chồng không còn, chị xin được ly hôn hoặc không công nhận là vợ chồng với anh Lê Văn Ph.

Về con chung: Chị O xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là Lê Thị A, sinh ngày 14/01/2004, Lê Thị Á, sinh ngày 24/01/2005 và Lê Hoàng T, sinh ngày 19/4/2010. Hiện tại cháu A và cháu Á đã xây dựng gia đình, còn cháu T ở với ai là quyền của cháu, nếu cháu T ở với chị O thì chị trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị Bàn Thị O không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Ph trình bày: Anh Lê Văn Ph và chị Bàn Thị O tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2003 như chị O trình bày là đúng, anh Ph có đến UBND xã Th C để đăng ký kết hôn, nhưng có đăng ký được hay không thì anh không nhớ. Nay chị O xin ly hôn và đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị O là vợ chồng anh Ph hoàn toàn đồng ý, vì hai người không còn tình cảm với nhau, nên ly hôn để giải phóng cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Ph xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là Lê Thị Anh, sinh ngày 14/01/2004, Lê Thị Ánh, sinh ngày 24/01/2005 và Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010. Hiện tại cháu Anh và cháu Ánh đã xây dựng gia đình, còn cháu Tuyền ở với ai là quyền của cháu, nếu cháu Tuyền ở với anh thì anh không ai yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Ph không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn đã tiến hành xác minh về quan hệ Hôn nhân tại nơi chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph có hộ khẩu thường trú, sinh sống. Ông Đinh Văn Dũng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th C, huyện Thanh Sơn cung cấp: Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn vào các năm 2002, năm 2003 và năm 2004) được lưu trữ tại UBND xã Th C, huyện Thanh Sơn thì không có tên anh Lê Văn Ph và chị Bàn Thị O trong quyển sổ đăng ký kết hôn nói trên. Quan điểm của UBND xã Th C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị O, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị O, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph. Về con chung giao cháu Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010 cho anh Ph chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên.

* Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Ph tòa Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự:

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 – BLTTDS: Bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, Điều 72 – BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ xác định, chị O, anh Ph chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn, chị O, anh Ph đều khẳng định thời gian đầu hai người chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi, đánh nhau cuộc sống chung không có hạnh phúc, nay chị O xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph.

Về con chung: Chị O và anh Ph đều xác nhận là có 03 người con chung là Lê Thị Anh, sinh ngày 14/01/2004, Lê Thị Ánh, sinh ngày 24/01/2005 và Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010. Hiện tại cháu Anh và cháu Ánh đã xây dựng gia đình, còn cháu Tuyền trong bản tự khai không xin ở với ai, nhưng theo nguyện vọng của anh Ph là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuyền, nguyện vọng này hoàn toàn chính đáng nên đề nghị giao cháu Tuyền cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ph không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị O, anh Ph đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bàn Thị O là người dân tộc thiểu số được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn chị Bàn Thị O khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lê Văn Ph, chị O và anh Ph đều có địa chỉ tại xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng chị O và anh Ph không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức đám cưới chị O, anh Ph cùng nhau làm ăn, sinh sống tại xã Th C, huyện Thanh Sơn, tình cảm ban đầu hai người hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần đây anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi đánh nhau, nên anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị O xác định tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh Ph. Về phía anh Ph xác định tình cảm giữa hai người không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị O để giải phóng

cho nhau. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Th C, huyện Thanh Sơn, sổ sách theo dõi việc đăng ký kết hôn tại địa phương vào các năm 2002, 2003 và năm 2004 đều không có tên chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph trong sổ đăng ký kết hôn các năm nêu trên. Như vậy việc chị O và anh Ph không đăng ký kết hôn là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với lời khai của đương sự.

HĐXX nhận thấy năm 2003 chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph chung sống với nhau như vợ chồng, tại thời điểm đó anh chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên, thì chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph không phải là vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph xác nhận anh chị có 03 người con chung là cháu Lê Thị Anh, sinh ngày 14/01/2004; cháu Lê Thị Ánh, sinh ngày 24/01/2005 và cháu Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010. Cháu Anh và cháu Ánh đã trưởng thành, đi xây dựng gia đình riêng có cuộc sống ổn định, nên anh Ph và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010 còn nhỏ hiện nay đang đi học, cháu cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên trong bản khai cháu Tuyền không thể hiện xin ở với ai, nhưng hiện nay cháu Tuyền đang sinh sống cùng anh Ph và đang đi học văn hóa tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuyền và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung. Chị O đồng ý giao con cho anh Ph, vì chị đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc con chung, nên HĐXX cần giao cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Tuyền đến khi thành niên là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại Ph tòa hôm nay chị O và anh Ph đều vắng mặt, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Khi nào các bên có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị Bàn Thị O thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên chị O được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Như đã phân tích ở trên, xét đề nghị của Kiểm Sát Viên tại Ph tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Khoản 2, Điều 227, Khoản 1, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào: Điểm đ, khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị O và anh Lê Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Hoàng Tuyền, sinh ngày 19/4/2010 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Tuyền thành niên lao động tự túc được. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Ph không có yêu cầu. Chị O được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Bàn Thị O.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 luật thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã Th C
- Lưu HS + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀN**

Bùi Khoa Hương